**Ôn Tập Lý Thuyết SQL - 1**

1. Khi một dòng được xóa khỏi bảng, dòng dữ liệu đó được lưu trong bảng \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?
   1. Updated
   2. Deleted
   3. Inserted
   4. Tempdb
2. Trong câu truy vấn lấy dữ liệu từ hai bảng đã được join với nhau, kết quả trả về chỉ gồm các bản ghi nằm trong bảng bên phải. Xác định loại join nào được dùng trong câu truy vấn trên (chọn 1)
   1. ~~Outer Join~~
   2. Right Outer Join
   3. ~~Full Join~~
   4. Right Inner Join
3. Mô hình CSDL mà một bảng con có nhiều bảng cha thuộc loại \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_?
   1. Mô hình CSDL Flat-file (Flat-file Database model)
   2. Mô hình CSDL phân cấp (Hierarchical Database Model)
   3. Mô hình CSDL mạng (Network Systems Database Model)
4. Chỉ ra cú pháp để tạo một bảng bằng T-SQL
   1. CREATE TABLE (<Table\_name>)
   2. CREATE TABLE <Table\_Name>

(<Column\_name> <Data\_Type>)

* 1. CREATE TABLE

(<Column\_name> <Data\_Type>)

* 1. CREATE TABLE <Table\_Name>

(<Column\_name>)

1. Khi muốn xóa bảng Books trong CSDL, cú pháp nào dưới đây được sử dụng?
   1. DROP Books
   2. DROP TABLE Books FROM Library
   3. DROP TABLE Books
   4. DELETE TABLE Books
   5. DELETE TABLE Books FROM Library
2. Một câu lệnh truy cập vào dữ liệu trong CSDL gọi là \_\_\_\_\_\_\_\_\_?
   1. Giao dịch (Transaction)
   2. Thao tác (Operation)
   3. Truy vấn (Query)
   4. Câu lệnh (Statement)
3. Khi sử dụng bất kì hàm tập hợp nào trong câu lệnh SELECT, chỉ nên sử dụng hàm đó trên trường đầu tiên trong câu lệnh SELECT
   1. Đúng
   2. Sai
4. Đâu là cú pháp đúng cho hàm AVG (chọn 1)
   1. AVG([DISTNICT] Biểu thức)
   2. AVG([ALL|DISTNICT] Biểu thức)
   3. AVG(Biểu thức)
   4. AVG([ALL]Biểu thức)
   5. Tất cả lựa chọn ở trên
5. Phát biểu nào dưới đây là đúng về hàm COUNT? (chọn 3)
   1. Khi sử dụng hàm COUNT trên trường khóa chính luôn trả về kết quả chính xác do trường khóa chính không có các giá trị null
   2. Khi được dùng kết hợp với từ khóa DISTINCT, hàm COUNT chỉ đếm những giá trị không trùng nhau
   3. Hàm COUNT chỉ thực hiện trên những trường có kiểu dữ liệu là số
   4. Cú pháp của hàm COUNT là COUNT (Biểu thức)
   5. Khi sử dụng hàm COUNT trên trường khóa ngoại có thể trả về kết quả không chính xác do trường khóa ngoại có thể có các giá trị null
6. DML viết tắt bởi
   1. Data Moulding Language
   2. Data Manipulation Language
   3. Data Modeling Language
   4. Data Marketing Language
7. Những kiểu dữ liệu nào dưới đây được hỗ trợ bởi SQL Server 2012 (chọn 3)
   1. String (sai khi chọn 1)
   2. Char (sai khi chọn 1)
   3. Tinyint
   4. Ntext
   5. Double
8. Giả sử bạn có một bảng tên là A, trong bảng đó có trường tên là ‘xyz’ với kiểu dữ liệu là int. Giá trị của tất cả các trường trong một bản ghi của bảng đó phải là giá trị số nguyên
   1. Đúng
   2. Sai
9. DBMS hỗ trợ hệ thống lưu trữ CSDL tập trung
   1. Đúng
   2. Sai
10. Phát biểu nào dưới đây là đúng về Joins (chọn 2)
    1. Join có thể được sử dụng trong mệnh để FROM. Trong các truy vấn có mệnh đề WHERE, không được sử dụng join.
    2. Trong SQL Server 2012 các bảng được join với nhau dựa trên mối quan hệ trên các bảng đó.(nếu chọn 1 đáp án)
    3. Join chỉ ra mối quan hệ giữa hai bảng.
    4. Khi được sử dụng, join sẽ loại bỏ khái niệm về quan hệ khóa ngoại giữa các bảng
    5. ~~Joins chỉ có thể dùng trên đúng hai bảng~~
11. Để cập nhật dữ liệu ở mức độ trường, câu lệnh nào dưới đây được sử dụng
    1. UPDATE Table\_name, Column\_name
    2. UPDATE Table\_name SET (Column\_name)
    3. Column\_name UPDATE
    4. UPDATE Column\_name
    5. UPDATE (Column\_name)
12. Các phát biểu nào sau đây là đúng đối với “trigger” (chọn 2)
    1. Các trigger có thể tạo trên các bảng và bảng tạm (temporary table)
    2. Không thể sử dụng trigger để xuất ra một tập kết quả (resultset)
    3. Trigger có thể được dùng để tạo một bảng dựa trên giao tác(transactions) nào đó
    4. Trigger không thể cấp quyền sử dụng bảng khi trigger được kích hoạt
    5. Trigger có thể được kích hoạt bởi người dung
13. Xác định cú pháp đúng cho LEFT OUTER JOIN (chọn 1)
    1. LEFT OUTER TABLE SELECT <Field\_List> FROM <First\_table>

<Second\_table> ON

First\_Table.<common\_Field>=Second\_Table.<common\_Field>

* 1. SELECT <Field\_List> FROM <First\_table>

LEFT OUTER TABLE <Second\_table>

ON First\_Table.<common\_Field>=Second\_Table.<common\_Field>

* 1. SELECT <Field\_List> FROM <First\_table>

LEFT OUTER JOIN <Second\_table>

ON First\_Table.<common\_Field>=Second\_Table.<common\_Field>

* 1. SELECT <Table\_name> FROM First\_table

LEFT INNER JOIN

Second\_table ON First\_Table.<common.Field> = Second\_Table.<common.Field>

1. Toàn vẹn thực thể còn được gọi là \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (chọn 1)
   1. Database Integrity (Toàn vẹn CSDL)
   2. Table Integrity (Toàn vẹn bảng)
   3. Column Integrity (Toàn vẹn cột)
   4. Row Integrity (Toàn vẹn dòng)
2. Thuật ngữ miền (domain) chỉ ra một tập hợp các giá trị được phép lưu trữ trong một trường.
   1. Sai
   2. Đúng
3. Khi phải lựa chọn khóa chính giữa một trường đơn và trường phức, tốt hơn nên chọn trường phức (composite key)
   1. Đúng
   2. Sai